

Số: /KH-UBND

Chiềng Ken, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Chiềng Ken năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024-2025;

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/09/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0;

- Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở tỉnh Lào Cai; Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Đề án phát triển dữ liệu số, nâng cao năng lực quản trị số để thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2025;

- Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về Triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 326/KH-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 347 /KH-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Văn Bàn về Chuyển đổi số huyện Văn Bàn năm 2025;

- Chương trình hành động số 45-CTR/HU ngày 15/3/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TU, ngày 17/1/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển đổi số Tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Văn Bàn và năm 2023; ban hành Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 31/12/2021 về Chuyển đổi số huyện Văn Bàn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 23/12/2020 của Huyện ủy Văn Bàn về Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - xây dựng chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 50-KH/ĐU, ngày 21/8/2021 của Đảng ủy xã Chiềng Ken, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - xây dựng chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính xã Chiềng Ken, giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu theo Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh và của Đảng bộ huyện, Đảng ủy xã nhằm xây dựng một hệ thống quản trị hiệu quả, minh bạch và thông minh qua việc ứng dụng công nghệ, phần mềm và khai thác dữ liệu số. Kế hoạch hướng đến việc tối ưu hóa quy trình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ từ các hệ thống mà tỉnh đang triển khai nhằm cải thiện chất lượng công việc, dịch vụ và sự hài lòng của người dân thông qua việc ứng dụng công nghệ số và dữ liệu.

- Tập trung vào việc hoàn thiện các nhiệm vụ, mục tiêu đã được tỉnh giao và các mục tiêu của huyện riêng của huyện trong giai đoạn 2020 - 2025 và của năm 2025.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin huyện chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc áp dụng, triển khai các mô hình, cơ chế, chương trình, kế hoạch và hạ tầng kỹ thuật sẵn sàng cho giai đoạn kế tiếp, sẵn sàng ứng dụng các công nghệ tiên tiến hơn như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, và Internet vạn vật (IoT). Để đảm bảo sau năm 2025, chính quyền và doanh nghiệp có thể tiếp tục chuyển đổi không gián đoạn, nhanh chóng thích nghi với các xu hướng công nghệ mới. Đồng thời cải thiện và nâng cao chỉ số sẵn sàng

ứng dụng CNTT (ICT Index), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số Cải cách hành chính, Chỉ số PAPI,...

- Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan trong việc triển khai thực hiện chuyển đổi số của toàn xã. Gắn nhiệm vụ chuyển đổi số với thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp và quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng lĩnh vực, địa phương. Từ đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với nội dung về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo điều kiện thực tế của xã, nhằm phát triển 03 trụ cột chính là kinh tế. Việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chuyển đổi nhận thức

- 100% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập bổ sung kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về quản lý và kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 70% người dân được phổ cập về an ninh mạng, đặc biệt là trách nhiệm trong việc bảo vệ thông tin cơ quan, đơn vị, tổ chức và thông tin cá nhân.

- 50% lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương được đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý và ra quyết định trong môi trường số.

- Tham gia hội nghị, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số trong cuộc sống hằng ngày và bảo mật dữ liệu số, dữ liệu cá nhân trên môi trường số (nếu cấp trên tổ chức).

- 100% thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được đào tạo, tập huấn bổ sung kiến thức về kỹ năng số, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.

2.2. Thể chế số

- Tham mưu Đảng ủy chỉ đạo ban hành văn bản các tổ chức đảng, chính quyền triển khai các nhiệm vụ về Chuyển đổi số theo Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết 20-NQ/TU, ngày 17/1/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển đổi số Tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai, huyện Văn Bàn nói chung và Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Chiềng Ken nói riêng.

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 và dự thảo xây dựng các nội dung, mục tiêu về chuyển đổi số cho giai đoạn 2026 - 2030 trình Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ XXII; báo cáo tổng kết thực hiện các nhiệm vụ tại kế hoạch số 50-KH/ĐU ngày 21/8/2021.

- Tiếp tục rà soát, thống kê, nghiên cứu xây dựng văn bản tham gia ý kiến vào các quy chế hoạt động đối với các hệ thống, phần mềm đang triển khai đối với các cơ quan trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và khuyến khích doanh nghiệp, hợp

tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số. Đồng thời giao cho một số cơ quan chủ động nghiên cứu viết sáng kiến ngay từ đầu năm về nội dung này.

2.3. Hạ tầng số

- Phối hợp với Công chức Văn hóa Thông tin trong việc triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung mới, mô hình thử nghiệm trong năm 2025 và xem xét, nghiên cứu khả năng kết nối hạ tầng mạng băng rộng của xã với hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh của tỉnh (*nếu đủ điều kiện*).

- Tỷ lệ thôn/tổ dân phố phủ sóng băng rộng cố định đạt 90%.
- Tỷ lệ thôn/tổ dân phố phủ sóng băng rộng di động đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 60%.
- Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh đạt 85%.
(khó đạt vì điều kiện thực tế và kinh tế)
- Xây dựng hồ sơ cấp độ đối với các hệ thống đủ điều kiện.

2.4. An toàn thông tin

- Hệ thống thông tin (HTTT) đủ điều kiện tại cơ quan, được phê duyệt Hồ sơ cấp độ và triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

- UBND xã bố trí 01 máy tính soạn thảo văn bản mật; 50% máy tính có kết nối internet được cài phần mềm diệt virus bản quyền.

2.5. Chính quyền số

- Phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin huyện triển khai Nền tảng Chính quyền số tập trung đối với cơ quan, đơn vị, trên địa bàn xã.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Quyết định công bố gần nhất của UBND tỉnh.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Phần đầu chỉ số người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật; 100% các hệ thống, phần mềm có triển khai áp dụng ký số thì bắt buộc phải sử dụng ký số chuyên dùng công vụ (*trừ một số hệ thống có quy định riêng không thể áp dụng được*).

- Trên 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Hệ thống báo cáo số được triển khai trong cơ quan và các loại báo cáo dưới dạng cung cấp số liệu định kỳ của cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã được thực hiện trên hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội dùng chung của tỉnh, huyện.

- Trên 65% cuộc họp của xã sử dụng hình thức quét Qrcode để nhận tài liệu.

- 80% các nội dung được xin ý kiến Nhân dân được thực hiện trên môi trường số.
- 70% hồ sơ có phát sinh thu phí, lệ phí tại cơ quan được thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia.
- 100% Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được cấp thiết bị ký số chuyên dùng cá nhân phục vụ công tác số hóa hồ sơ đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ.

2.6. Phát triển kinh tế số và xã hội số

- Phân đầu 90% doanh nghiệp, Hợp tác xã ở các lĩnh vực, ngành nghề triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tỷ lệ doanh nghiệp/HTX sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 70%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 65%.
- Phân đầu số hộ kinh doanh nộp thuế điện tử đạt: 10%.
- Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể sử dụng hóa đơn điện tử: 15%.
- 100% sản phẩm OCOP được bày bán trên các sàn thương mại điện tử.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 10%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 98%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh số VNeID đạt trên 70%.
- Xây dựng 01 mô hình số sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương mình.
- 60% cuộc họp của các thôn, bản, tổ dân phố được thông báo họp, các nội dung cần xin ý kiến biểu quyết của Nhân dân, tài liệu phục vụ cuộc họp được thực hiện trên môi trường số.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%.

(Một số chỉ tiêu cơ bản khác, phân đầu thực hiện đến hết năm 2025 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại phụ lục 01 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số;

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo CCHC Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 trên địa bàn xã trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số và đô thị thông minh, xã nông thôn mới thông minh và thôn nông thôn mới thông minh.

- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả triển khai chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh, xã nông thôn mới thông minh và thôn nông thôn mới thông minh đối với các địa phương trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo đối với bộ phận chuyên môn được giao các nhiệm vụ, mục tiêu về chuyển đổi số và tổ chức định kỳ họp đánh giá kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trên địa bàn xã.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh.

2. Hạ tầng số

- Tiếp tục duy trì và nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng mạng băng thông rộng; rà soát, phủ sóng ở các vùng trắng, vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

- Tiếp tục thực hiện kết nối Internet cáp quang đến tận hộ gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Tiếp tục duy trì vận hành, khai thác hiệu quả, đảm bảo an toàn đối với các hệ thống thông tin, hệ thống mạng hiện có.

3. Nhân lực số

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực cho công chức, viên chức thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

- Tiếp tục tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ về chuyển đổi số cho các Tổ Công nghệ số cộng đồng; triển khai hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng hiệu quả.

- Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở tiếp tục thực hiện chuyển đổi số.

4. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục số hóa dữ liệu hồ sơ và kết quả TTHC đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ.

- Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành thuộc tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ các dữ liệu còn lại giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và trực liên thông của tỉnh (LGSP). Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

5. An toàn thông tin mạng

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ an toàn thông tin (ATTT) theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã

được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ ATTT cho HTTT theo quy định (*Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2*).

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dân.
- Cử công chức phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do tỉnh tổ chức.

6. Chính quyền số

- Tiếp tục vận hành và sử dụng các nền tảng số mà tỉnh triển khai hiện đang áp dụng trên địa bàn xã.
- Phối hợp triển khai mạng diện rộng Nền tảng Chính quyền số thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan.

7. Kinh tế số và xã hội số

- Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các hộ kinh doanh có sản phẩm bày bán, để đưa lên các sàn thương mại điện tử.
- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, đưa vào sử dụng các nền tảng chuyển đổi số trong doanh nghiệp như ứng dụng tích hợp các sàn thương mại điện tử và các nền tảng số trong doanh nghiệp.
- Triển khai các giải pháp thu hút người dân tạo tài khoản giao dịch tại ngân hàng; cấp thẻ ngân hàng, ví điện tử cho người dân.
- Tăng cường truyền thông, triển khai cấp phát chữ ký số điện tử cho người dân tại bộ phận một cửa các cấp.
- Triển khai tích cực các hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng nhằm lan tỏa các hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp với người dân.
- Tiếp tục triển khai phát triển trường học số, trạm y tế số.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt đặc biệt trong các trường học, trạm y tế, cửa hàng kinh doanh trên địa bàn xã.
- Tăng cường tuyên truyền và triển khai để mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản.
- Triển khai cung cấp kỹ năng số cho người dân thông qua triển khai nền tảng học trực tuyến đại trà.
- Tiếp tục phát triển kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên cơ sở tích hợp ứng dụng hỏi đáp và phản ánh hiện trường.

IV. GIẢI PHÁP

- Ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06, lĩnh vực Chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động như: ứng dụng các kênh truyền thông như App Lào Cai số, phản ánh hiện trường, mạng xã hội, cổng/ trang thông tin điện tử để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; tích hợp nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân trên nền tảng số; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

- Nguồn kinh phí ngân sách huyện; nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, bổ sung có mục tiêu; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng - Thống kê (kiêm nhiệm công tác Chuyển đổi số xã)

- Chủ trì việc tham mưu UBND xã theo dõi, đôn đốc các bộ phận chuyên môn đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa TT huyện, sở ngành chuyên môn trong việc triển khai các giải pháp bảo mật thông tin, đảm bảo an toàn cho dữ liệu số của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các ngành trên địa bàn xã.

- Thu thập, tiếp nhận ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người dân trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số.

- Chủ trì, phối hợp với Đoàn xã, Trường học trên địa bàn hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, các ngành, doanh nghiệp và người dân đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng, học sinh và các hộ gia đình trên toàn xã về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin, dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các ứng dụng phục vụ công dân của tỉnh đã triển khai áp dụng trên địa bàn xã.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai chương trình chuyển đổi số của xã.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch Ban chỉ đạo chuyển đổi số của xã và cho UBND huyện, đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời. Đánh giá hiệu quả của các giải pháp đã triển khai, từ đó đưa ra các đề xuất điều chỉnh cần thiết.

2. Công an xã

- Phối hợp với Công an huyện và các sở ngành thuộc tỉnh thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng và ngăn chặn các mối đe dọa, tấn công từ không gian mạng; thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia với các cơ sở dữ liệu được triển khai trên địa bàn huyện (nếu có); thường xuyên khớp dữ liệu công dân với các hệ thống dữ liệu của các ngành đang sử dụng sao cho các dữ liệu này được đồng bộ với dữ liệu gốc về Quốc gia dân cư; phối hợp với các cơ quan liên quan phát triển các hệ thống xác thực an toàn trên cơ sở dữ liệu dân cư.

- Chủ trì, đơn đốc các bộ phận chuyên môn trong thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06.

3. Công chức Văn phòng - Thống kê (phụ trách Kiểm soát TTHC)

- Triển khai hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ (*đơn giản hóa biểu mẫu, giấy tờ*) các thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước, thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan nhà nước.

- Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao các chỉ số có liên quan đến TTHC theo Quyết định 766 trong cơ quan.

- Phối hợp với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công chức chuyên môn rà soát đối chiếu với các Quyết định của tỉnh về phê duyệt, cắt giảm bộ TTHC theo các quyết định công bố gần nhất và đề xuất điều chỉnh trên cổng dịch vụ công Lào Cai và đồng bộ với cổng dịch vụ công Quốc gia sao cho phù hợp với thực tế.

- Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước.

4. Công chức Tài chính - Kế toán

- Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND xã cân đối, lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

- Đề xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

5. Công chức Văn phòng – Thống kê (phụ trách công tác CCHC)

- Chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính gắn với các nội dung về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

- Phối hợp với công chức phụ trách công tác quản lý CBCC triển khai các chương trình đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ công chức cơ quan; đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

6. Các đơn vị Trường học trên địa bàn xã

- Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường triển khai các mô hình giáo dục số, tích hợp công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập.

- Triển khai các chương trình đào tạo về dữ liệu số và quản trị số trong hệ thống giáo dục, từ cấp tiểu học đến trung học cơ sở. Đẩy mạnh chương trình giáo dục về kỹ năng số và ứng dụng công nghệ thông tin cho học sinh và giáo viên.

- Đề xuất các giải pháp cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại các trường học để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập số. Triển khai các hệ thống quản lý học sinh và giáo viên dựa trên công nghệ thông tin, giúp theo dõi và quản lý dữ liệu một cách hiệu quả.

7. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, công chức chuyên môn; Trưởng các thôn bản; Tổ công nghệ số cộng đồng

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về kết quả thực hiện.

- Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng số trong giao dịch, giải quyết TTHC.

10. Công chức Văn hóa Thông tin

- Tiếp tục duy trì chương mục chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở đảm bảo thời lượng 01 chương trình/1 tuần; chuyên mục chuyển đổi số trên cổng thông tin điện tử xã, đảm bảo 50 tin, bài/năm.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn huyện, góp phần thúc đẩy sự tham gia doanh nghiệp, của người dân vào quá trình chuyển đổi số, nâng cao sự hài lòng, tạo niềm tin cho Nhân dân.

- Ưu tiên tuyên truyền các điển hình, cách làm hay trong chuyển đổi số để phổ biến, nhân rộng ra toàn xã.

- Điều tra, nắm bắt nhu cầu, ý kiến ban đọc, khán, thính giả để có sự kết nối, làm cơ sở đổi mới nội dung, cải tiến cách thể hiện và bố trí khung giờ phù hợp; gắn kết thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ của Kế hoạch này với Kế hoạch tuyên truyền của xã năm 2025.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số xã Chiềng Ken năm 2025, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ yêu cầu các bộ phận liên quan chủ động triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ đề ra, trong quá trình triển khai có khó khăn vướng mắc trao đổi với Công chức Văn phòng - Thống kê (**Bà Hoàng Thị Diệp**) để báo cáo UBND xã tháo gỡ, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa Thông tin huyện;
- TT: HU, HĐND, UBND xã;
- UBMTTQ và tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số;
- Tổ công nghệ số cộng đồng;
- Công chức chuyên môn;
- Trưởng các thôn bản;
- Công an xã, Trường học, Trạm y tế;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Thanh Nguyên

PHỤ LỤC 01
Các chỉ tiêu về chuyển đổi số cần đạt được trong năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1.	- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quyết định công bố gần nhất	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã	Công chức chuyên môn	Quý I
2.	- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các DVCTT có phát sinh hồ sơ đạt 95%. - 100% công chức phụ trách một cửa xã được cấp thiết bị ký số chuyên dùng cá nhân phục vụ công tác số hóa hồ sơ đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ. - 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. - Phân đấu chỉ số người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. - 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Quyết định công bố gần nhất của UBND tỉnh - Tỷ lệ hồ sơ và cập nhật kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. - Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Công chức chuyên môn	Thường xuyên
3.	Triển khai các loại báo cáo của xã với Hệ thống thông tin báo cáo của huyện, tỉnh và Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ.	Cán bộ công chức chuyên môn	CC Văn phòng - Thống kê	Quý I
4.	- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh, huyện, xã đạt 100%.	Cán bộ công chức chuyên môn	CC Văn phòng - Thống kê	Thường xuyên
5.	- 100% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 60% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.	Tổ công nghệ số cộng đồng	Cán bộ công chức chuyên môn	Quý IV

6.	Tỷ lệ Trạm y tế triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.	Trạm y tế xã	Cán bộ công chức chuyên môn; Tổ công nghệ số CĐ	Thường xuyên
7.	- Tỷ lệ các hệ thống cơ quan đủ điều kiện đều được phê duyệt cấp độ an toàn đạt 100% và được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước.	Công chức VP - TK	Phòng VH&TT	Thường xuyên
8.	- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập bổ sung kỹ năng số cơ bản. - 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về quản lý và kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số. - 70% người dân được phổ cập về an ninh mạng, đặc biệt là trách nhiệm trong việc bảo vệ thông tin cơ quan, đơn vị, tổ chức và thông tin cá nhân. - 50% lãnh đạo cơ quan, đơn vị được đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý và ra quyết định trong môi trường số. - 100% thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được đào tạo, tập huấn bổ sung kiến thức về kỹ năng số, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.	Công chức Văn phòng - Thống kê	Cán bộ, công chức chuyên môn	Quý I-II
9.	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. (có sáng kiến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Công chức Văn phòng - Thống kê	Quý IV
10.	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số. (có sáng kiến)	Công chức địa chính NLN	Cán bộ, công chức chuyên môn	Quý IV
11.	- Xây dựng hồ sơ cấp độ đối với các hệ thống đủ điều kiện.	Công chức Văn phòng - Thống kê	Phòng VH&TT	Quý I
12.	- Thực hiện bố trí 01 máy tính soạn thảo văn bản mật; 50% máy tính có kết nối internet được cài phần mềm diệt virus bản quyền.	Cán bộ, công chức chuyên môn		Quý IV
13.	- 70% hồ sơ có phát sinh thu phí, lệ phí tại cơ quan được thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã		Thường xuyên

14.	- 80% các nội dung được xin ý kiến Nhân dân được thực hiện trên môi trường số.	Cán bộ, công chức chuyên môn	Công chức Văn phòng - Thống kê	Thường xuyên
15.	- 65% cuộc họp của xã sử dụng hình thức quét Qrcode để nhận tài liệu.	Cán bộ, công chức chuyên môn	Công chức Văn phòng - Thống kê	Thường xuyên
16.	- Hệ thống báo cáo số được triển khai trong các cơ quan nhà nước từ cấp huyện đến cấp xã và các loại báo cáo dưới dạng cung cấp số liệu định kỳ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn được thực hiện trên hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội dùng chung của tỉnh.	Công chức Văn phòng - Thống kê	Cán bộ, công chức chuyên môn	Quý I
17.	- 100% hồ sơ công việc và được ký số hoàn toàn được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>).	Cán bộ, công chức chuyên môn	Công chức Văn phòng - Thống kê	Thường xuyên
18.	- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật; 100% các hệ thống, phần mềm có triển khai áp dụng ký số thì bắt buộc phải sử dụng ký số chuyên dùng công vụ (<i>trừ một số hệ thống có quy định riêng không thể áp dụng được</i>).	Cán bộ, công chức chuyên môn	Công chức Văn phòng - Thống kê	Thường xuyên
19.	- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%. - Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%.	Trường học trên địa bàn		Thường xuyên
20.	- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.	Cán bộ, công chức chuyên môn		Thường xuyên
21.	- 60% cuộc họp của các thôn, bản, tổ dân phố được thông báo họp, các nội dung cần xin ý kiến biểu quyết của Nhân dân, tài liệu phục vụ cuộc họp được thực hiện trên môi trường số.	Cán bộ, công chức chuyên môn	Trưởng các thôn bản	Thường xuyên
22.	- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 10%.	Trạm y tế	Tổ công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên
23.	- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 98%.	Trạm y tế	Tổ công nghệ số cộng đồng	Quý IV

24.	- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%.	Công chức Văn phòng - Thống kê	Phòng Văn hóa TT	Quý I
25.	- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh số VNeID đạt trên 70%.	Công an xã	Tổ công nghệ số cộng đồng	Quý II
26.	- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 65%. - Phần đầu 90% doanh nghiệp/HTX ở các lĩnh vực, ngành nghề triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Công chức địa chính NLN		Quý IV
27.	- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.	Tổ công nghệ số cộng đồng	Các Ngân hàng trên địa bàn; Các doanh nghiệp viễn thông	Quý IV
28.	- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được phổ biến kiến thức bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%.	Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng VH&TT	Quý II
29.	- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến về kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.	Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng LĐTB&XH; Phòng VH&TT	Quý II
30.	- 100% sản phẩm OCOP được bày bán trên các sàn thương mại điện tử.	Công chức địa chính NLN	Doanh nghiệp/HTX có sản phẩm	Quý I